

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 59/2022/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm Nng người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ; Hợp tác xã 3, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Ông Trần T N, sinh năm 1965; Địa chỉ: Hợp tác xã 3, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần T N kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tổng Trân, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên vào ngày 06/01/1995.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, làm ăn thua lỗ, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con cái. Đến cuối năm 2021 ông bà đã sống ly thân trong suốt thời gian ly thân ông bà cũng không quan tâm đến nhau. Nay ông bà đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, bà Nguyễn Thị T và ông Trần T N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị T và ông Trần T N.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần T N có 03 con chung là Trần Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1995 và Trần Ánh Nguyệt, sinh năm 1997 và cháu Trần

Thị Thúy Hằng, sinh ngày 19/03/2007. Hiện nay Ánh và Nguyệt đã đủ tuổi trưởng thành, cháu Hằng hiện nay chưa đủ tuổi ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Hằng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T do bà T Không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Bà T và ông N đều xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà T tự nguyện chịu nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần T N nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần T N; Thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thị Thúy Hằng, sinh ngày 19/03/2007 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T do bà T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001532 ngày 08 tháng 03 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Tổng Trân, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tềnh

